

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/6/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tuệ

2. Ông Tạ Quang Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Th, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật của anh T:

Ông Trần Văn Tu, sinh năm 1958

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

(chị Th, anh T, ông Tu đều đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Trần Văn T năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T tại thôn N, xã C,

huyện Tân Yên được một thời gian ngắn thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T bị khuyết tật về nghe, nói, không diễn tả được ý kiến của mình nên cục cằn và tỏ thái độ không hài lòng với chị, tình cảm vợ chồng không hoà thuận. Chị sống cùng anh T được 06 tháng thì chị về nhà đẻ ở huyện Lục Ngạn sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T có hai lần đến nhà chị chơi nhưng chị không về đoàn tụ vợ chồng. Trước đây chị đã làm thủ tục ly hôn anh T nhưng do chị không về Tòa án làm việc được nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn của chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: chị và anh T không có con chung.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*\* Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Trần Văn T và người đại diện hợp pháp của anh T là ông Trần Văn Tu trình bày:*

- Anh T kết hôn với chị Trần Thị Th năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Yên trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn nên chị Th về nhà anh làm dâu. Ban đầu, tình cảm vợ chồng cũng bình thường được khoảng 2 tháng thì chị Th tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ nhưng mẹ vợ của anh lại đưa chị Th về nhà anh đoàn tụ. Tiếp đó chị Th lại bỏ về và quay lại nhà anh một lần nữa. Đến tháng 3/2006, chị Th lại bỏ đi, không quay lại nhà anh nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh T vài lần đến nhà chị Th tìm về đoàn tụ nhưng chị Th không về. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh T và chị Th không có con chung.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th ly hôn anh T.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: chị Th nộp đơn yêu cầu ly hôn anh T, cư trú tại thôn N, xã C, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T là người khuyết tật về nghe, nói, trí tuệ nhưng không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nào yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự. Bố mẹ anh T đã thống nhất để ông Tu là bố để anh T tham gia giải quyết vụ án cùng anh T. Tòa án đưa ông Tu vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp cho anh T là đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của anh T.

Tại phiên tòa, chị Th, anh T, ông Tu đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh T:

Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Yên nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T bị khuyết tật nghe, nói dẫn đến khả năng diễn đạt tâm tư tình cảm của anh có phần hạn chế dẫn đến tình cảm vợ chồng không hoà thuận. Đến giữa năm 2006, chị Th bỏ về nhà để sinh sống, chị và anh T ly thân từ đó đến nay. Qua xác minh, gia đình và địa phương đều cho biết chị Th và anh T mâu thuẫn và ly thân như anh chị và ông Tu trình bày. Nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh T.

[4] Về con chung: chị Th và anh T không có con chung.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Th, anh T và ông Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: không có.
3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006325 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.  
Xác nhận chị Trần Thị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh T, ông Tu có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**

